

UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: /SNV-TCBM
V/v báo cáo kết quả công tác
quản lý biên chế khối chính
quyền địa phương từ tháng
01/2022 đến tháng 6/2024

Ninh Thuận, ngày tháng 8 năm 2024

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Các Hội đợc Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

Thực hiện Công văn số 3497/UBND-VXNV ngày 01/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc báo cáo kết quả công tác quản lý biên chế từ tháng 01/2022 đến tháng 6/2024 (theo Công văn số 768/CV-BCSD ngày 01/8/2024 của Ban Cán sự đảng UBND tỉnh và Công văn số 3425-CV/BTCTU ngày 31/7/2024 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy);

Để có cơ sở tổng hợp, báo cáo, tham mưu Ban Cán sự đảng UBND tỉnh về kết quả công tác quản lý biên chế khối chính quyền địa phương, gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy kịp thời trước ngày 09/8/2024 theo yêu cầu;

Sở Nội vụ đề nghị các Sở, ban, ngành; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các Hội đặc thù cấp tỉnh kịp thời phối hợp rà soát và tổng hợp, báo cáo kết quả công tác quản lý biên chế **từ tháng 01/2022 đến tháng 6/2024 đối với các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc** (theo Đề cương và các Phụ lục kèm theo Công văn này), gửi về Sở Nội vụ **trước ngày 07/8/2024** (đồng thời gửi file điện tử qua địa chỉ email phongtcbm@ninhthuan.gov.vn) để kịp thời tổng hợp.

Lưu ý:

- Các Sở, ban, ngành và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh: báo cáo theo Đề cương và thống kê theo Phụ lục 1A, Phụ lục 2, Phụ lục 3;

Ngoài báo cáo, thống kê theo các Phụ lục nêu trên; đề nghị **Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo thống kê bổ sung Phụ lục 4; Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo và thống kê bổ sung Phụ lục 5).**

- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: báo cáo theo Đề cương và thống kê Phụ lục 1A, Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 5, Phụ lục 6, Phụ lục 7.

- Các Hội đặc thù cấp tỉnh: báo cáo và thống kê Phụ lục 6.

Do thời gian gấp, nên đề nghị quý cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm, kịp thời phối hợp và chịu trách nhiệm nếu có phát sinh vấn đề liên quan do chưa phối hợp đảm bảo nội dung và thời hạn nêu trên.

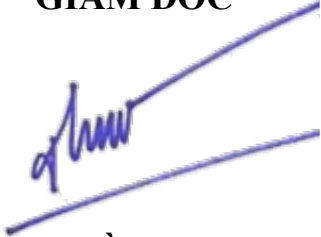
(Công văn số 3497/UBND-VXNV ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh; Công văn số 768/CV/BCSD ngày 01/8/2024 của Ban Cán sự đảng UBND tỉnh; Công văn số 3425-CV/BTCTU ngày 31/7/2024 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Đề cương, Phụ lục báo cáo được gửi kèm qua phần mềm Văn phòng điện tử; đồng thời, được đăng trên trang tin điện tử Sở Nội vụ).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Phòng Nội vụ các huyện, thành phố;
- Phòng Giáo dục và ĐT các huyện, thành phố;
- Trang tin điện tử Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, TCBM.

GIÁM ĐỐC



Trần Hải

ĐỀ CƯƠNG

**Báo cáo kết quả công tác quản lý biên chế
từ tháng 01/2022 đến tháng 6/2024**

(Kèm theo Công văn số/SNV-TCBM ngày/8/2024 của Sở Nội vụ)

I. VỀ CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, KIỂM TRA, TỔ CHỨC TRIỂN KHAI

1. Về lãnh đạo, chỉ đạo

- Công tác tuyên truyền, quán triệt; xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án để tổ chức triển khai các kết luận, quy định, quyết định¹ của Bộ Chính trị về quản lý biên chế giai đoạn 2022-2026 tại cơ quan, tổ chức, địa phương.

- Việc ban hành các văn bản: Quy định, hướng dẫn về quản lý, sử dụng biên chế; kế hoạch quản lý, sử dụng, tinh giản biên chế; các quyết định giao biên chế giai đoạn 2022 - 2026, hàng năm.

(Đề nghị báo cáo rõ: Số lượng, tên văn bản đã ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành).

2. Về kiểm tra, giám sát công tác giao, quản lý biên chế của cơ quan, tổ chức, địa phương

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về giao, sử dụng biên chế cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, tổ chức, địa phương²

1.1. Nêu rõ căn cứ, nguyên tắc, tiêu chí và phương thức (cách) giao biên chế của cơ quan, tổ chức, địa phương

1.2. Giao biên chế giai đoạn 2022-2026

Kết quả giao biên chế giai đoạn 2022-2026 của cơ quan, tổ chức, địa phương, trong đó nêu rõ: Số biên chế công chức, viên chức hưởng lương từ

¹ Kết luận số 40-KL/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026; Quy định số 70-QĐ/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị; Quyết định số 71-QĐ/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về tổng biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026; Quyết định số 72-QĐ/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026.

² Đối với các địa phương: Đề nghị nêu rõ số liệu tổng hợp chung của cả địa phương và số liệu theo từng khối gồm: khối Đảng, đoàn thể và khối chính quyền ở địa phương.

ngân sách nhà nước; số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp giao giai đoạn 2022 - 2026 (*đề nghị gửi kèm theo các văn bản giao biên chế của cơ quan, tổ chức, địa phương*). Số lượng biên chế tăng/giảm so với số được cấp có thẩm quyền giao năm 2021 (*đề nghị nêu rõ lý do*).

1.3. Giao, sử dụng biên chế hằng năm

a) Về biên chế công chức

- Kết quả giao biên chế công chức (trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao hằng năm) của cơ quan, tổ chức, địa phương năm 2022, 2023 và năm 2024; số lượng biên chế tăng/giảm so với năm trước liền kề (*nêu rõ nguyên nhân, lý do*).

- Số lượng công chức, số lượng lao động hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ trong chỉ tiêu biên chế (nếu có) có mặt tại thời điểm 30/6/2024.

- Số lượng biên chế công chức chưa sử dụng tại thời điểm 30/6/2024 (*nêu rõ nguyên nhân, lý do*).

b) Về biên chế viên chức

- Kết quả giao biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước (trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao hằng năm) của cơ quan, tổ chức, địa phương năm 2022, 2023 và năm 2024; số lượng biên chế viên chức tăng/giảm so với năm trước liền kề (*nêu rõ nguyên nhân, lý do*).

- Kết quả giao số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, địa phương giao năm 2022, 2023 và năm 2024; số lượng tăng/giảm so với năm trước liền kề (*nêu rõ nguyên nhân, lý do*).

- Số lượng viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp công lập có mặt tại thời điểm 30/6/2024.

- Số lượng biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp chưa sử dụng tại thời điểm 30/6/2024 (*nêu rõ nguyên nhân, lý do*).

c) Số biên chế giao của cơ quan, tổ chức, địa phương năm 2024 còn thiếu so với quy định hiện hành (*đề nghị nêu rõ quy định, số lượng cụ thể còn thiếu*) và số lượng biên chế còn thiếu đến hết năm 2026 (*tính theo lộ trình tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026*).

1.4. Số công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước giảm năm 2022, 2023, 2024 (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2024) và dự kiến giảm năm 2025, 2026 (nếu có) của cơ quan, tổ chức, địa phương. Trong đó:

- Số công chức, viên chức nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định.

- Số công chức, viên chức giảm do thực hiện chính sách tinh giản biên chế.
- Số người làm việc (viên chức) hưởng lương từ ngân sách nhà nước chuyển sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp.
- Số công chức, viên chức thôi việc.
- Số giảm công chức, viên chức do lý do khác.

1.5. Việc tuyển dụng, tiếp nhận công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của cơ quan, tổ chức, địa phương

Kết quả tuyển dụng, tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức năm 2022, 2023, 2024 (gửi kèm theo Kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận) và dự kiến kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận năm 2025, 2026 (nếu có).

1.6. Việc giao, sử dụng công chức, viên chức chưa đúng với vị trí việc làm, vượt số biên chế cơ quan thẩm quyền giao (nếu có)

- Số lượng viên chức làm vị trí việc làm công chức tại các cơ quan, tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại thời điểm 30/6/2024 (nêu rõ nguyên nhân, lý do).

- Số lượng viên chức làm vị trí việc làm công chức; công chức làm vị trí việc làm viên chức tại các cơ quan, đơn vị khối Đảng, đoàn thể tại thời điểm 30/6/2024 (nêu rõ nguyên nhân, lý do).

- Số biên chế giao, sử dụng vượt so với số biên chế cơ quan thẩm quyền giao tại thời điểm 30/6/2024 (nêu rõ nguyên nhân, lý do).

2. Về quản lý, sử dụng số biên chế giáo viên hưởng lương từ ngân sách nhà nước

2.1. Về giao biên chế giáo viên

Kết quả giao số biên chế giáo viên năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024 của địa phương, trong đó nêu rõ việc giao số giáo viên được cấp có thẩm quyền giao bổ sung cho năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024 (kèm theo các nghị quyết, quyết định giao).

2.2. Xác định nhu cầu biên chế giáo viên

Số lượng biên chế giáo viên thiếu, thừa so với định mức quy định ở địa phương; phương án và kết quả giải quyết số giáo viên thừa (theo từng cấp học, năm học trong giai đoạn 2022 - 2024 và dự kiến đến hết năm 2026).

2.3. Tuyển dụng giáo viên

- Số giáo viên đã tuyển dụng năm 2022, 2023 và năm 2024 (từ nguồn biên chế giáo viên bổ sung; và từ nguồn biên chế viên chức được Ban Tổ chức Trung ương giao) và dự kiến năm 2025, 2026 (Đề nghị gửi kèm theo: Kế hoạch tuyển dụng từng năm, Báo cáo kết quả tuyển dụng giáo viên từng năm).

- Tổng số giáo viên có mặt tại thời điểm 30/6/2024.
- Tổng số giáo viên chưa sử dụng, trong đó nêu rõ số biên chế giáo viên được giao bổ sung mà chưa sử dụng tại thời điểm 30/6/2024 (*nêu rõ nguyên nhân, lý do*).

3. Về hội quần chúng ở địa phương

3.1. Về số lượng tổ chức Hội quần chúng

Số lượng hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương (*gửi kèm thống kê danh sách các Quyết định thành lập Hội quần chúng ở địa phương*).

3.2. Về biên chế của Hội quần chúng

- Số lượng biên chế cụ thể giao cho các Hội quần chúng ở địa phương (*kèm theo các Quyết định của cơ quan có thẩm quyền của địa phương về việc giao biên chế của Hội quần chúng*).
- Số biên chế của các hội quần chúng có mặt tại thời điểm 30/6/2024; trong đó nêu rõ số biên chế công chức, viên chức, người làm việc... có mặt.

4. Về cán bộ, công chức cấp xã

4.1. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã tại thời điểm 30/6/2021

- Số lượng cán bộ, công chức cấp xã tính theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ của địa phương (*tính theo số lượng đơn vị hành chính cấp xã tại thời điểm 30/6/2021*).

- Số cán bộ, công chức cấp xã có mặt tại thời điểm 30/6/2021.

4.2. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã tại thời điểm 30/6/2024

- Số lượng cán bộ, công chức cấp xã tính theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ của địa phương (*tính theo số lượng đơn vị hành chính cấp xã tại thời điểm 30/6/2024*).

- Số cán bộ, công chức cấp xã có mặt tại thời điểm 30/6/2024.

4.3. Số biên chế cán bộ, công chức cấp xã tính theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP và theo lộ trình sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã đến hết năm 2026 (tính theo số lượng đơn vị hành chính cấp xã theo lộ trình sắp xếp). Trên cơ sở đó, xác định số biên chế cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2022 - 2026 (được cấp có thẩm quyền giao) đến hết năm 2026 còn thiếu.

5. Các vấn đề khác (nếu có)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, thuận lợi và nguyên nhân

2. Khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Một số kinh nghiệm

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Với cơ quan được cấp có thẩm quyền giao quản lý biên chế

2. Với Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế

3. Với Bộ Chính trị

(Đề nghị nêu rõ cơ sở đề xuất, kiến nghị và gửi kèm toàn bộ bản sao các văn bản có liên quan để giải trình, chứng minh cho các lập luận, đề xuất, kiến nghị liên quan đến điều chỉnh, bổ sung biên chế)./.